

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh
U”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Mai Văn To

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị Thu T, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: Số 152, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Phan Văn U, sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú: Số 152, ấp Chánh, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quách Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Do mai mối và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2010 chị và anh Phan Văn U xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/8/2010. Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại nhà riêng ở ấp C, xã L. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh U ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh U còn nhiều lần đánh đập chị. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu ly hôn với anh U.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh U có 02 (hai) con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 07/9/2010 và Phan Quốc K, sinh ngày 07/4/2012. Hiện con chung đang sống với anh chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, chị và anh U không có nợ chung.

Tại bản tự khai ghi ngày 06/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phan Văn U trình bày:

Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Quách Thị Thu T về thời gian và điều kiện kết hôn thì anh thống nhất. Tuy nhiên, theo anh mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng, anh thừa nhận là anh cũng có tính ghen tuông nhưng vì anh quá thương vợ, chỉ một vài lần quá nóng giận anh không kiềm chế được nên có đánh chị T, anh nghĩ mâu thuẫn vợ chồng không quá lớn, anh vẫn còn thương chị T, muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh và chị T có 02 (hai) con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 07/9/2010 và Phan Quốc K, sinh ngày 07/4/2012 như chị T trình bày. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh cũng đồng ý để chị T nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, anh và chị T không có nợ chung.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quách Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn U, yêu cầu nuôi 02 (hai) con chung tên Phan Minh T và Phan Quốc K, yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, chị T không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Anh U yêu cầu được đoàn tụ với chị T. Các đương sự xác định không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì đồng thời cũng không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quách Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn U. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Chị Quách Thị Thu T và anh Phan Văn U có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/8/2010 (Giấy đăng ký số 111/2010, quyển số 01) nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh U là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của chị Quách Thị Thu T xin ly hôn với anh Phan Văn U, thấy rằng: Chị T trình bày cuộc sống chung của vợ chồng chị không hạnh phúc là do anh U có tính ghen tuông và anh còn nhiều lần ra tay đánh chị. Anh U thừa nhận việc này nhưng theo anh do vì anh quá thương vợ nên có hành động như vậy, anh hứa sửa đổi và mong muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con cái. Xét thấy, yêu cầu đoàn tụ của anh U không được chị T đồng ý, giữa chị T, anh U hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, một trong hai bên đã không thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh U đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 07/9/2010 và Phan Quốc K, sinh ngày 07/4/2012, hiện con chung đang sống với chị T, anh U. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai cháu Tiến và Kiệt; Anh U có ý kiến trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh cũng đồng ý để chị T nuôi con chung. Xét thấy, cả hai cháu T và K đều có nguyện vọng là trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì các cháu muốn sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu, nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Tiến và Kiệt cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, riêng anh U không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T. Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi chị T, anh U ly hôn không chỉ là nghĩa vụ của cá nhân chị T mà còn là nghĩa vụ của anh U. Giao cho chị T là người trực tiếp nuôi con nên buộc anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ Công văn số 24/1999/CV-KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao thì người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định; Căn cứ Điều 3 của Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ, mức lương tối thiểu chung được áp dụng hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng. Như vậy, anh U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng

là 745.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2019 đến khi các cháu Tiến và Kiệt đủ 18 tuổi.

[7] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T và anh U thống nhất không tranh chấp về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Quách Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Phan Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Công văn số 24/1999/CV-KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 3 của Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Thu T về việc “ly hôn” với anh Phan Văn U.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Quách Thị Thu T và anh Phan Văn U.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 07/9/2010 và Phan Quốc K, sinh ngày 07/4/2012 cho chị Quách Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Phan Văn U cấp dưỡng nuôi các cháu T và K với số tiền là 745.000 đồng/mỗi cháu/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng đối với mỗi cháu trên mỗi tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2019 đến khi các cháu T và K đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

3.1 Chị Quách Thị Thu T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001207 ngày 20/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị T đã nộp đủ án phí.

3.2 Buộc anh Phan Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Quách Thị Thu T, anh Phan Văn U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã L;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy